

Horarios do curso 2019/20

Máster en Enxeñaría de Telecomunicación

Primeiro curso: 1º cuadrimestre – Materias comúns

Grupo M11 Aula T212

SETEMBRO – Semana 1					
	L 16	Ma 17	Me 18	X 19	V 20
9.00-9.30	Benvida	TR	DCEA		DCEA
9.30-10.00					
10-11	TSCOM	tscom B01	TSI	RAD	RAD
11-12					
12-13	TA	tscom B02			TSI
13-14					

SETEMBRO – Semana 2					
	L 23	Ma 24	Me 25	X 26	V 27
9.00-9.30	TSCOM	TR	TSIDesign Thinking	TA	DCEA
9.30-10.00					
10-11	TA	tscom B01	DCEA	tsi C01, C05	RAD
11-12					
12-13		tscom B02		tsi C02, C06	TSI
13-14					
				tsi C03, C07 tsi C04	

SETEMBRO / OUTUBRO – Semana 3					
	L 30	Ma 1	Me 2	X 3	V 4
9.00-9.30	TSCOM	TR	S. TELECO	TA	DCEA
9.30-10.00					
10-11	TA	tscom B01	S. TELECO	RAD	RAD
11-12					
12-13		tscom B02		RAD	TSI
13-14					

OUTUBRO – Semana 4					
	L 7	Ma 8	Me 9	X 10	V 11
9.00-9.30	TSCOM	TR	dcea B01 rad B02	TA	DCEA
9.30-10.00					
10-11	ta B01 tr B02	tscom B01	dcea B02 rad B01	rad C01, C05 rad C02, C06	RAD
11-12					
12-13	ta B02 tr B01	tscom B02		rad C03, C07	TSI
13-14					
14-15				rad C04	

OUTUBRO – Semana 5					
	L 14	Ma 15	Me 16	X 17	V 18
9.00-9.30	TSCOM	TR	rad B02	VISITA DE ESTUDOS	DCEA
9.30-10.00					
10-11	ta B01 tr B02	tscom B01	rad B01	VISITA DE ESTUDOS	RAD
11-12					
12-13	ta B02 tr B01	tscom B02		VISITA DE ESTUDOS	TA
13-14					
14-15					

OUTUBRO – Semana 6					
	L 21	Ma 22	Me 23	X 24	V 25
9.00-10.00	TSCOM	TR	dcea B01 rad B02	TA	DCEA
9.30-10.00					
10-11	ta B01 tr B02	tscom B01	dcea B02 rad B01	tsi C01, C05 tsi C02, C06	RAD
11-12					
12-13	ta B02 tr B01	tscom B02		tsi C03, C07	TSI
13-14					
14-15				tsi C04	

OUTUBRO / NOVEMBRO – Semana 7					
	L 28	Ma 29	Me 30	X 31	V 1
9.00-9.30	TSCOM	TR	rad B02	TSI	FESTIVO
9.30-10.00					
10-11	ta B01 tr B02	tscom B01	rad B01	rad C01, C05 rad C02, C06	FESTIVO
11-12					
12-13	ta B02 tr B01	tscom B02		rad C03, C07	FESTIVO
13-14					
14-15				rad C04	

NOVEMBRO – Semana 8					
	L 4	Ma 5	Me 6	X 7	V 8
9.00-9.30	TSCOM	TR	dcea B01 rad B02	TA	DCEA
9.30-10.00					
10-11	ta B01 tr B02	tscom B01	dcea B02 rad B01	tsi C01, C05 tsi C02, C06	RAD
11-12					
12-13	ta B02 tr B01	tscom B02		tsi C03, C07	TSI
13-14					
14-15				tsi C04	

NOVEMBRO – Semana 9					
	L 11	Ma 12	Me 13	X 14	V 15
9.00-10.00	TSCOM	TR	dcea C01 rad B02	TA	DCEA
9.30-10.00					
10-11	ta B01 tr B02	tscom B01	dcea C02 rad B02	rad C01, C05	RAD
11-12					
12-13	ta B02 tr B01	tscom B02	dcea C03 rad B01	rad C02, C06	TSI
13-14					
14-15				rad C03, C07	
15-16				rad C04	
16-17			dcea C05		
17-18			dcea C06		
18-19			dcea C07		

NOVIEMBRE – Semana 10					
	L 18	Ma 19	Me 20	X 21	V 22
9.00-9.30					
9.30-10.00	TSCOM	TR	dcea B01 rad B02 (HW)	TA	DCEA
10-11					
11-12	ta B01 tr B02	tscm B01	dcea B02 rad B01 (HW)	tsi C01, C05	RAD
12-13				tsi C02, C06	
13-14	ta B02 tr B01	tscm B02		tsi C03, C07	
14-15				tsi C04	
15-16			dcea C01		
16-17					
17-18			dcea C02	dcea C03	
18-19					

NOVIEMBRE – Semana 11					
	L 25	Ma 26	Me 27	X 28	V 29
9.00-9.30					
9.30-10.00	TSCOM	TR	dcea B01 rad B02 (HW)	TA	DCEA
10-11					
11-12	ta B01 tr B02	tscm B01	dcea B02 rad B01 (HW)	rad C01, C05	RAD
12-13				rad C02, C06	
13-14	ta B02 tr B01	tscm B02		rad C03, C07 rad C04	
14-15					
15-16			dcea C04		
16-17					
17-18			dcea C05	dcea C06	
18-19					

DECEMBRO – Semana 12					
	L 2	Ma 3	Me 4	X 5	V 6
9.00-9.30					
9.30-10.00	TSCOM	TR	dcea C07 rad B02 (HW)	TA	FESTIVO
10-11					
11-12	ta B01 tr B02	tscm B01	rad B01 (HW)	tsi C01, C05	
12-13				tsi C02, C06	
13-14	ta B02 tr B01	tscm B02		tsi C03, C07	
				tsi C04	

DECEMBRO – Semana 13					
	L 9	Ma 10	Me 11	X 12	V 13
9.00-9.30					
9.30-10.00	TSCOM		dcea C02 rad B02	dcea C04	
10-11					
11-12	ta B01 tr B02	tscm B01	dcea C03 rad B01	rad C01, C05	TSI
12-13				rad C02, C06	
13-14	ta B02 tr B01	tscm B02	rad C03, C07 rad C04	dcea C01	
14-15					
15-16			dcea C05		
16-17					
17-18			dcea C06	dcea C07	
18-19					

DECEMBRO – Exames					
	L 16	Ma 17	Me 18	X 19	V 20
10 – 11	TSCOM		TA		DCEA
11 – 12					

XANEIRO – Exames					
	L 6	Ma 7	Me 8	X 9	V 10
10 – 11			RAD		TR
11 – 12					
12 – 13					
	L 13	Ma 14			
10 – 11		TSI			
11 – 12					
12 – 13					

Materias / Courses

M145101 TSI: As tecnoloxías da telecomunicación na sociedade da información / *ICT in society*
M145102 TSCOM: Tratamento de sinais en comunicacións / *Signal processing in communications*
M145103 RAD: Radio / *Radio*
M145104 TR: Tecnoloxías de rede / *Networking technologies*
M145105 TA: Tecnoloxías de aplicación / *Applications technologies*
M145106 DCEA: Deseño de circuitos electrónicos analóxicos / *Design of analog electronic circuits*

Laboratorios / Laboratories

tscm B01-B02: AS01
ta B01-B02: T110
tr B01-B02: AS04
rad B02: B002 (SW) + BS04 (HW)
rad B01: AS07 (SW) + BS04 (HW)
dcea B01-B02: lab. Sensores EEI

Seminarios / Seminars

tsi C01-C07: T212
rad C01-C07: T212
dcea C01-C07: lab. Sensores EEI